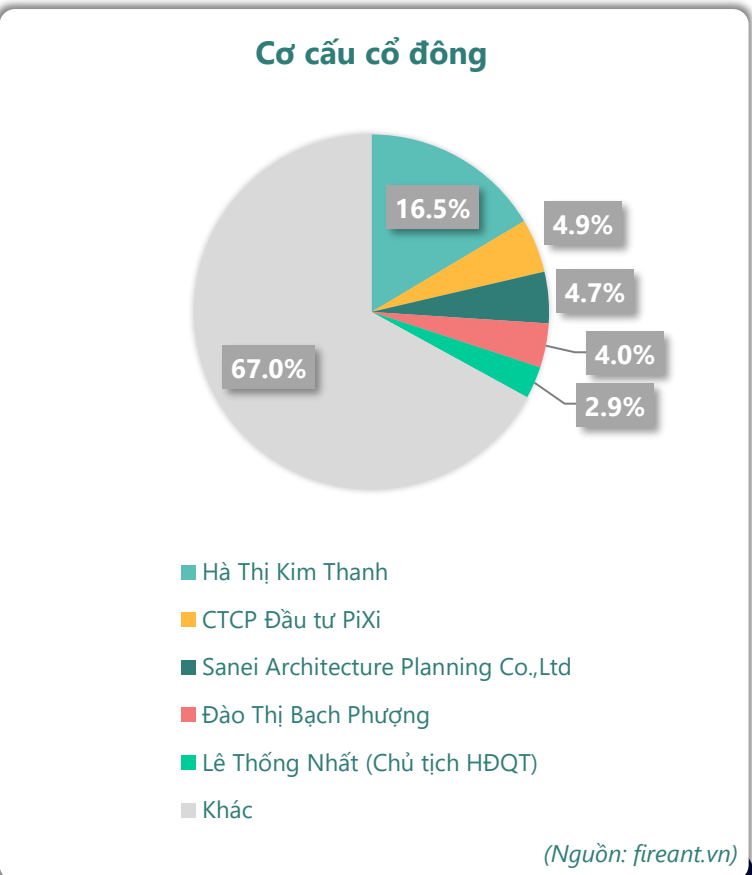
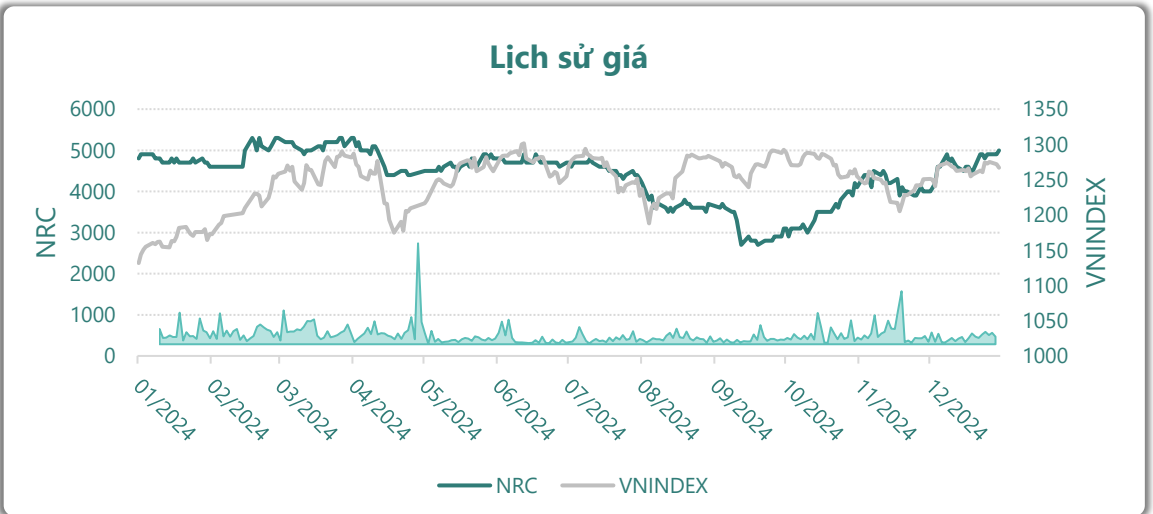
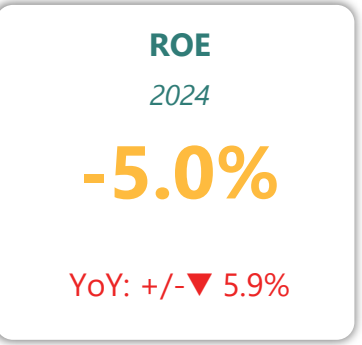
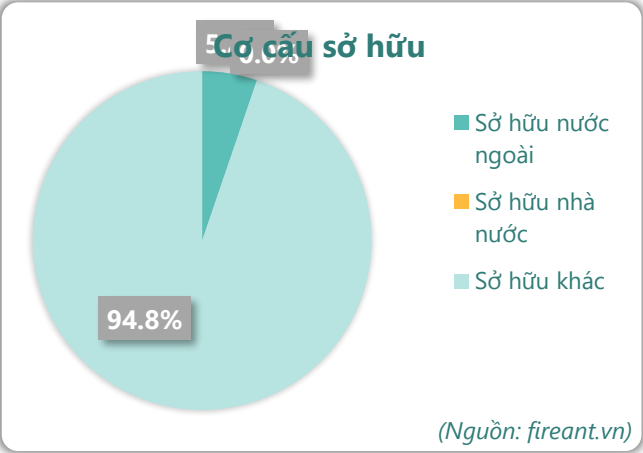


# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

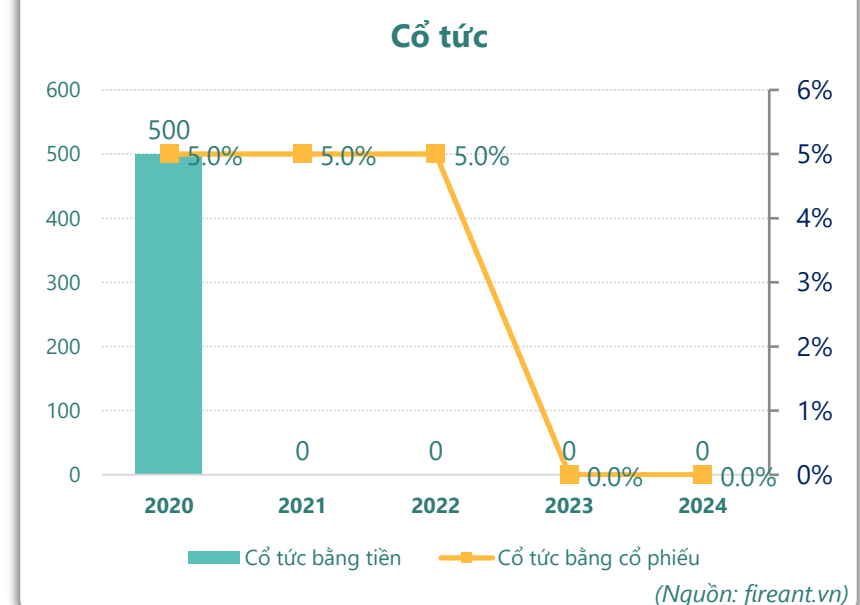
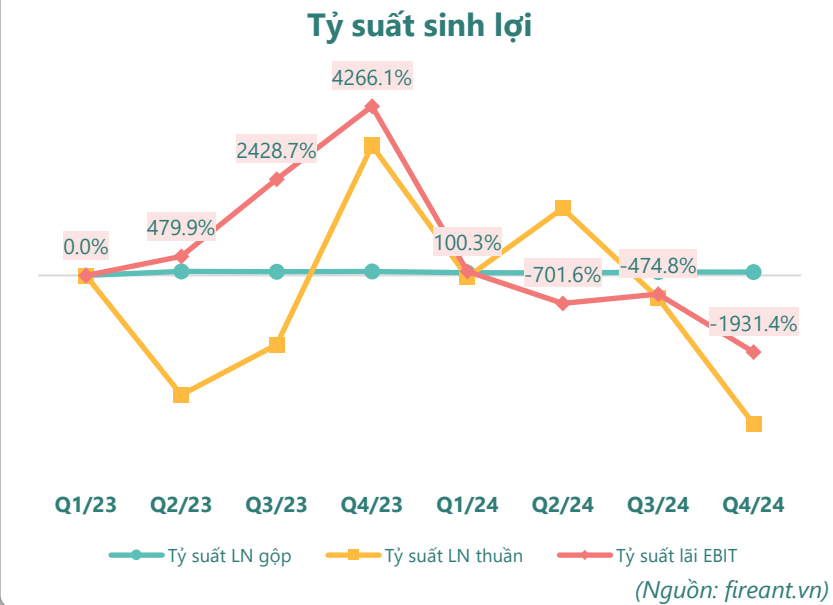
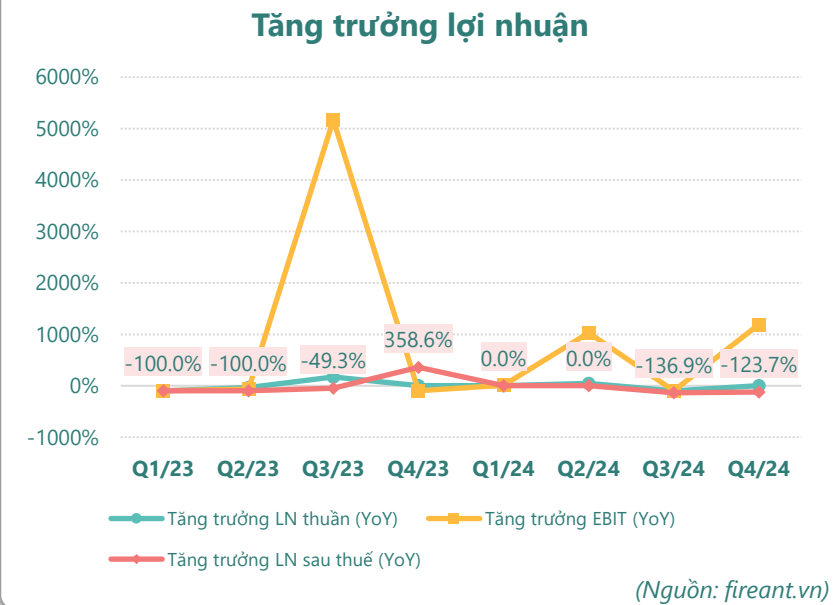
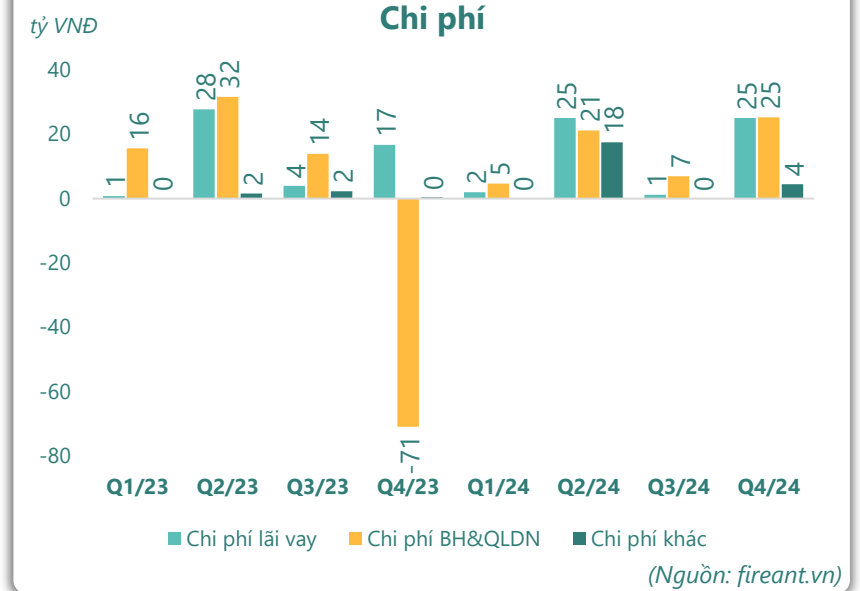
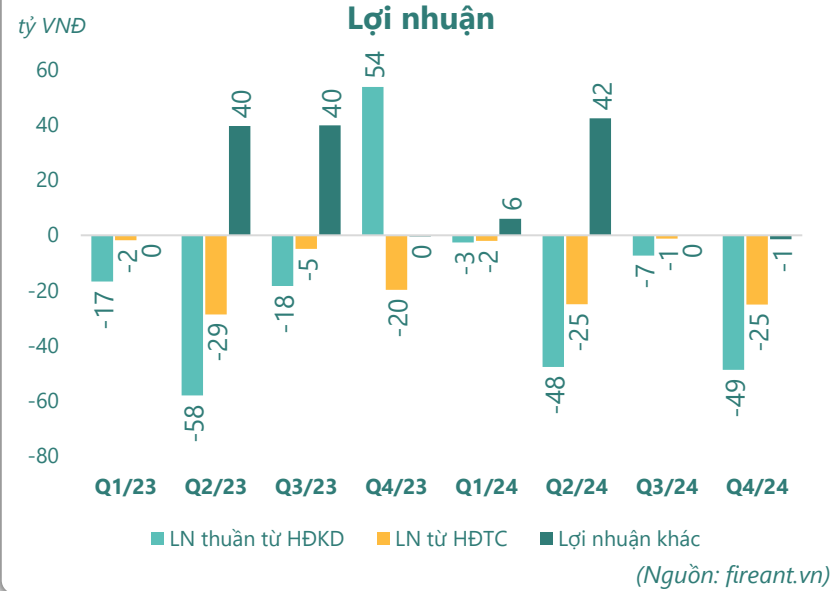
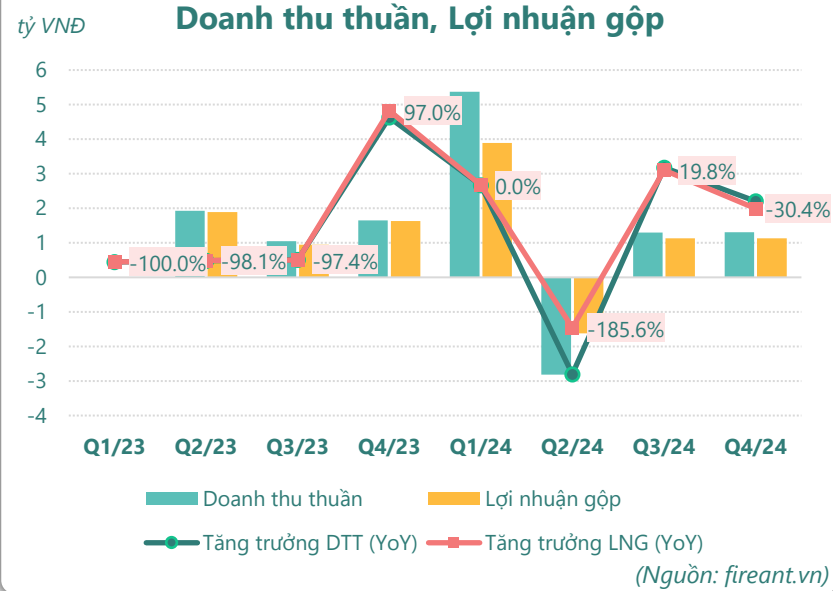
## CTCP Tập đoàn Danh Khôi

|                    |           |         |         |
|--------------------|-----------|---------|---------|
| Ngày<br>31/12/2024 | 5,000 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng   | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 19.0%     | 61.3%   | 6.4%    |

|                       |               |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch         | HNX           |
| Khoảng giá 52 tuần    | 2,700 - 5,300 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 463           |
| Số lượng CPLH (CP)    | 92,597,762    |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 991,229       |
| Sở hữu nước ngoài     | 5.2%          |
| Beta                  | 1.12          |
| EPS                   | -681          |
| P/E                   | -7.3          |



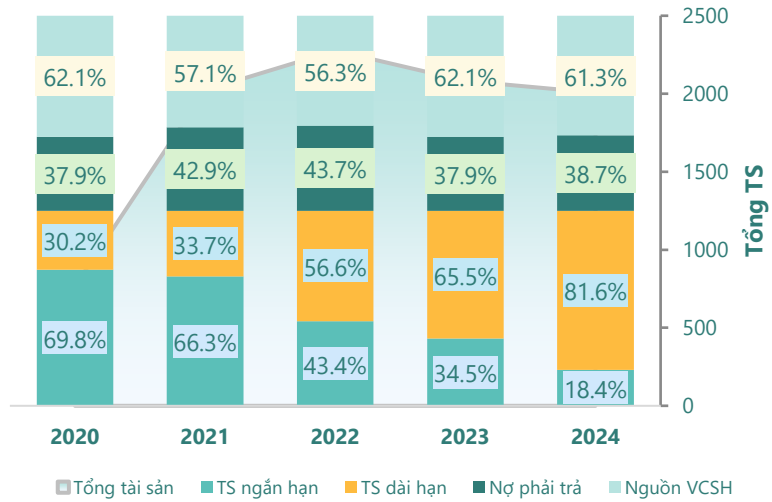
## KẾT QUẢ KINH DOANH



## TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

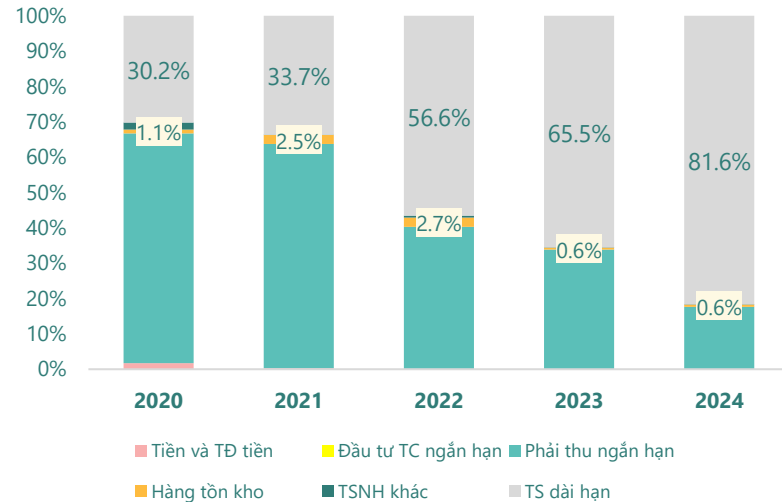
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

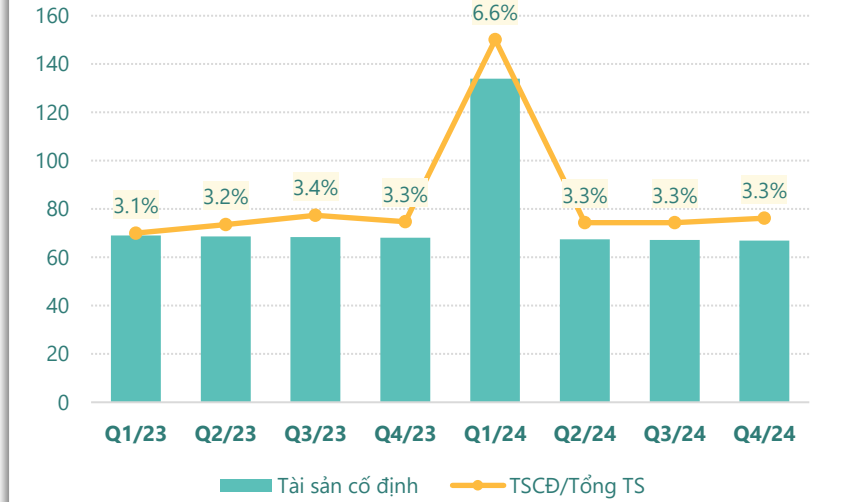
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

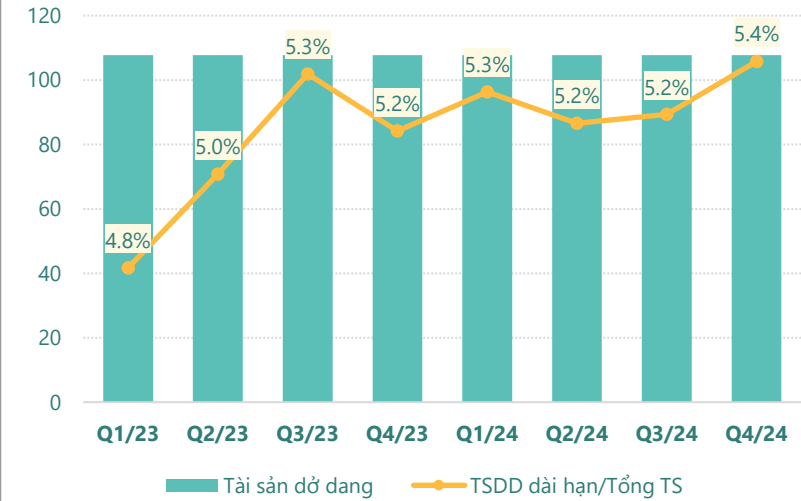
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

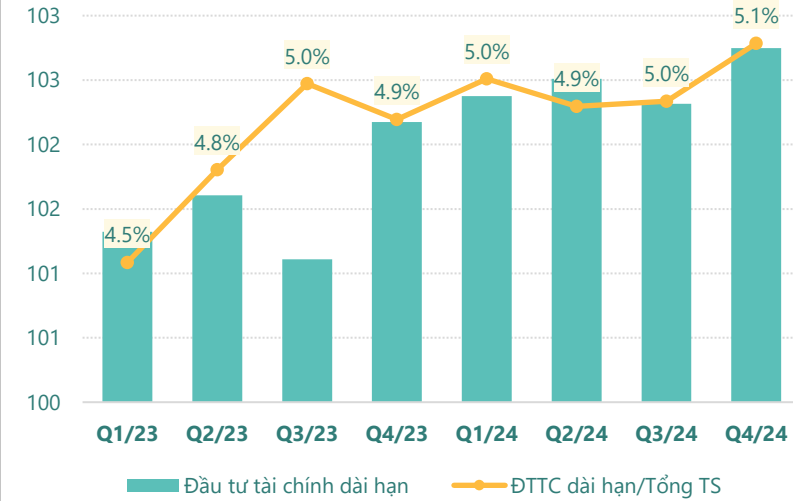
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

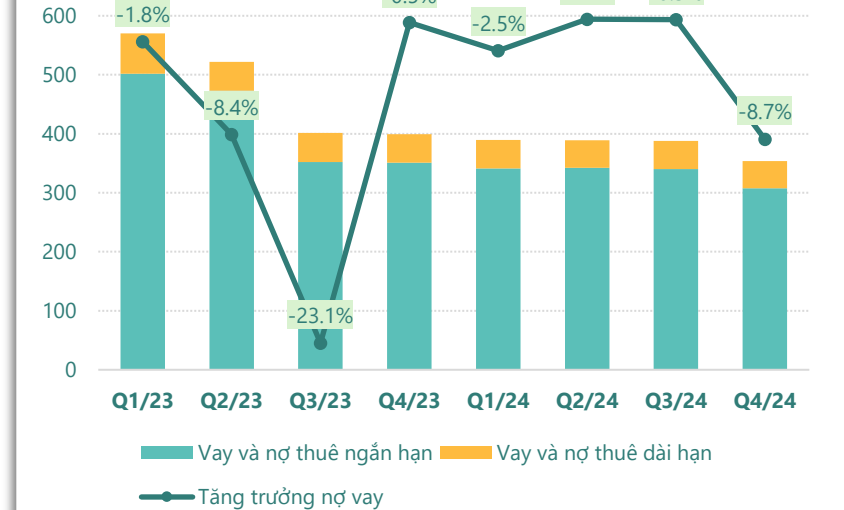
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

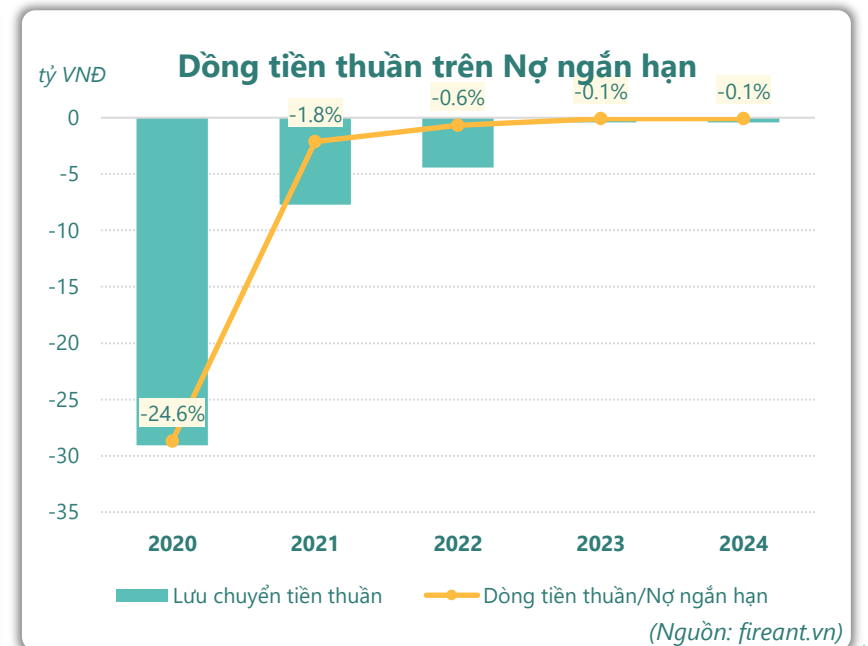
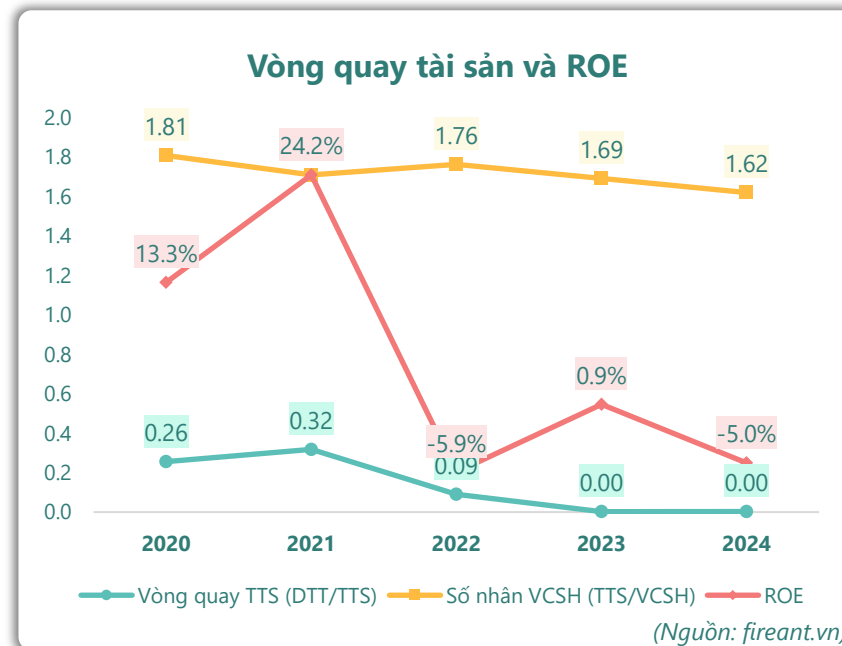
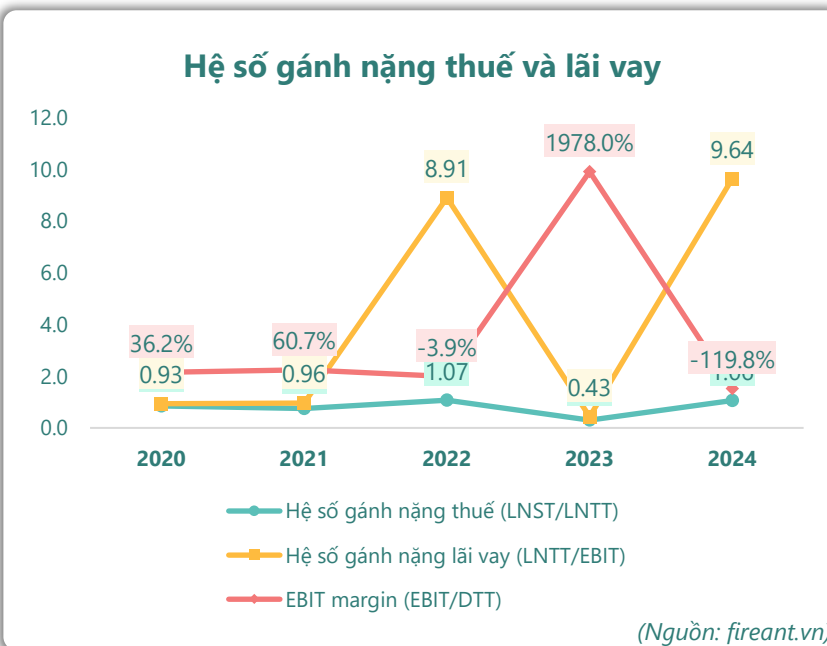
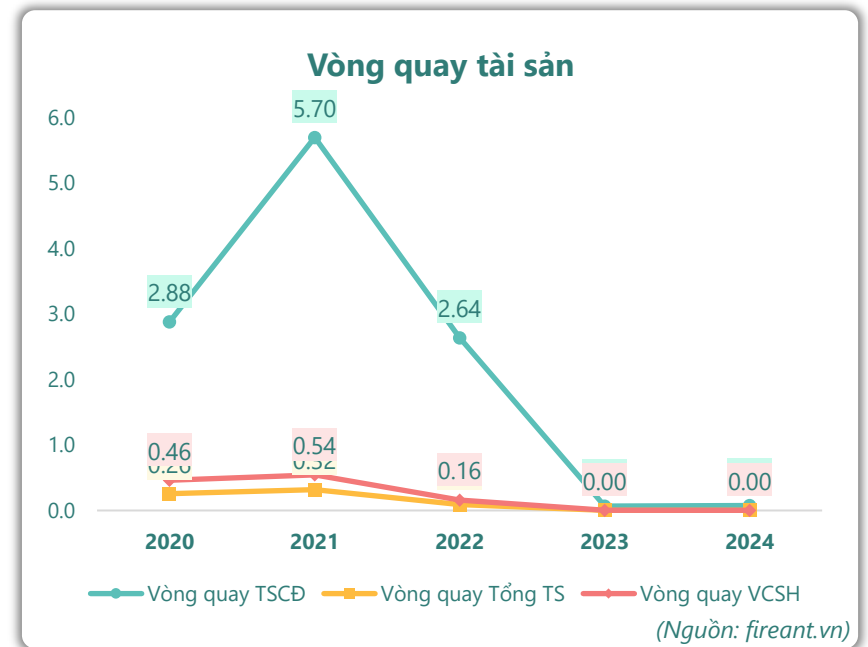
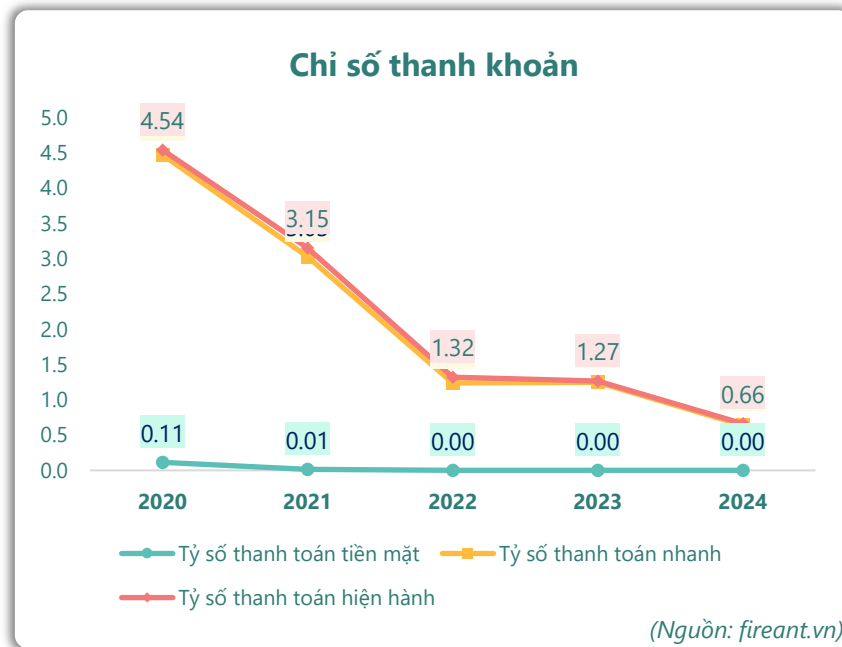
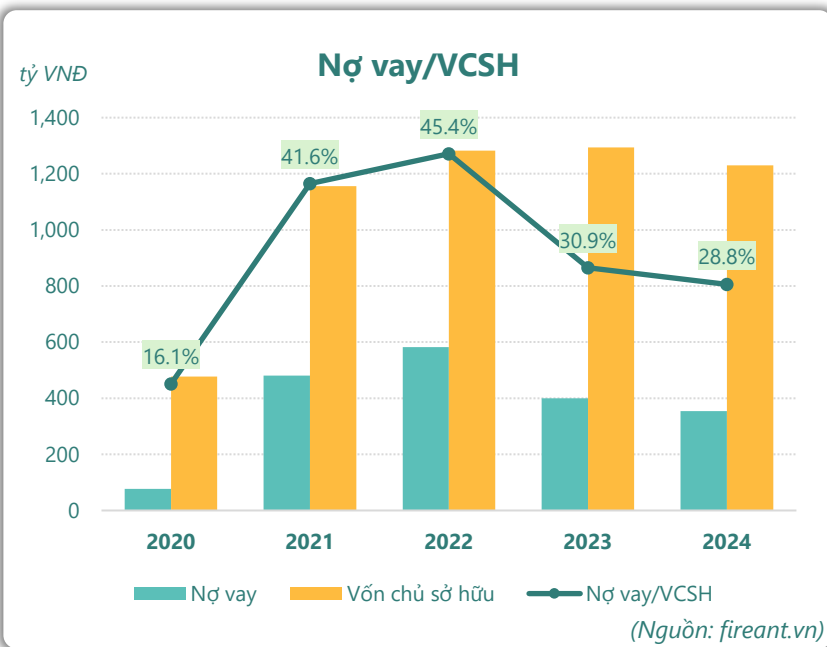
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

| (tỷ VNĐ)              | Q4/24 | Q4/23 | Thay đổi YoY | 2024  | 2023  | Thay đổi YoY |
|-----------------------|-------|-------|--------------|-------|-------|--------------|
| Doanh thu thuần       | 1.31  | 1.65  | -20.9%       | 5.15  | 4.63  | 11.2%        |
| Giá vốn hàng bán      | 0.17  | 0.02  | 758%         | 0.61  | 0.16  | 278%         |
| Lợi nhuận gộp         | 1.13  | 1.63  | -30.5%       | 4.53  | 4.47  | 1.5%         |
| Doanh thu HĐTC        | 0.00  | 0.00  |              | 0.00  | 0.00  | -77.4%       |
| Chi phí TC            | 25.1  | 19.9  | 26.1%        | 53.3  | 55.2  | -3.4%        |
| Chi phí lãi vay       | 25.1  | 16.7  | 50.3%        | 53.3  | 51.8  | 2.8%         |
| LN trong công ty LKLD | 0.43  | 1.07  | -59.6%       | 0.57  | 1.38  | -58.4%       |
| Chi phí bán hàng      | 0     | 0.00  |              | 0     | 0     |              |
| Chi phí QLDN          | 25.3  | -71.1 | 136%         | 58.2  | -9.92 | 687%         |
| LN thuần từ HĐKD      | -48.9 | 53.9  | -191%        | -106  | -39.5 | -170%        |
| Lợi nhuận khác        | -1.45 | -0.34 | -326%        | 47.0  | 79.2  | -40.6%       |
| LN trước thuế         | -50.3 | 53.5  | -194%        | -59.5 | 39.7  | -250%        |
| Lợi nhuận sau thuế    | -46.9 | 30.0  | -256%        | -63.2 | 11.9  | -631%        |
| LNST của CĐ cty mẹ    | -46.8 | 30.0  | -256%        | -63.1 | 11.9  | -629%        |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

| (tỷ VNĐ)                | Q3/23 | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|-------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 122   | 0.28  | 9.49  | 0.92  | 1.17  | 33.6  |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 0     | 0     | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -122  | 0     | -9.84 | -0.94 | -1.04 | -33.8 |
| Tiền đầu kỳ             | 0.62  | 0.61  | 0.90  | 0.55  | 0.54  | 0.68  |
| Lưu chuyển tiền thuần   | -0.01 | 0.28  | -0.34 | -0.01 | 0.14  | -0.21 |
| Ảnh hưởng tỷ giá        | 0     | 0     | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Tiền cuối kỳ            | 0.61  | 0.90  | 0.55  | 0.54  | 0.68  | 0.47  |

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| (tỷ VNĐ)                    | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|----------|
| Tổng tài sản                | 2,006               | 2,083               | -3.7%    |
| Tài sản ngắn hạn            | 368                 | 719                 | -48.8%   |
| Tiền và tương đương tiền    | 0.47                | 0.90                | -47.6%   |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 0                   | 0                   |          |
| Phải thu ngắn hạn           | 353                 | 705                 | -49.9%   |
| Hàng tồn kho                | 13.0                | 11.6                | 12.1%    |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 1.54                | 1.63                | -5.6%    |
| Tài sản dài hạn             | 1,638               | 1,365               | 20.0%    |
| Phải thu dài hạn            | 1,295               | 1,020               | 26.9%    |
| Tài sản cố định             | 66.9                | 68.1                | -1.7%    |
| Bất động sản đầu tư         | 65.9                | 66.2                | -0.3%    |
| Tài sản dở dang             | 108                 | 108                 | 0.0%     |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 103                 | 102                 | 0.6%     |
| Tài sản dài hạn khác        | 0.04                | 0.14                | -71.0%   |
| Lợi thế thương mại          | 0                   | 0                   |          |
| Nợ phải trả                 | 776                 | 789                 | -1.7%    |
| Nợ ngắn hạn                 | 557                 | 567                 | -1.9%    |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 308                 | 351                 | -12.3%   |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 4.08                | 6.71                | -39.2%   |
| Nợ dài hạn                  | 220                 | 222                 | -1.1%    |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 46.1                | 48.5                | -5.0%    |
| Nguồn vốn chủ sở hữu        | 1,230               | 1,294               | -4.9%    |
| Vốn chủ sở hữu              | 1,230               | 1,294               | -4.9%    |
| Vốn điều lệ                 | 926                 | 926                 | 0.0%     |
| Kinh phí và quỹ khác        | 0                   | 0                   |          |

(Nguồn: fireant.vn)

